

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2021

V/v: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị T

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lương Văn C

2. Ông: Nguyễn Văn T

Thư ký tòa án ghi biên bản: Bà Lê Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Phạm Viết T - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình, thụ lý số: 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2021, về việc “*Xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST ngày 04/05/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị C , sinh ngày 06/5/1982.

Bị đơn: Hà Văn T , sinh ngày 13/3/1976

Đều là người dân tộc Thái và làm nghề trồng trọt tại: Bản Lát, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn, chị Vi Thị C trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/3/2021, Biên bản hòa giải ngày 19/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: Chị và anh Hà Văn T tự do tìm hiểu, yêu đương không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai, tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào tháng 6 năm 2000, không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chung sống hạnh phúc, hòa thuận được một thời gian dài. Đến tháng 4 năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do anh T không có trách nhiệm với gia đình và vợ, con, không lo làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu rồi chơi bời lêu lổng, nhiều lần chị đã khuyên bảo anh để giữ hạnh phúc gia đình nhưng anh vẫn không thay đổi mà còn ham chơi, thiếu trách nhiệm với gia đình hơn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng vì nghĩ đến con cái chị đã rất cố gắng chịu đựng để cho gia đình yên ấm, mâu thuẫn lại xảy ra trầm trọng hơn, anh T lại chứng nào tật nấy tụ tập bạn bè uống rượu về gây sự, chị cảm thấy thật uất ức và không chịu đựng được. Hai người đã sống ly thân. Anh T về sống với mẹ đẻ của anh tại Bản Lát, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, chị và con gái sống ở nhà riêng của chị tại Bản Lát, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Chị cảm thấy cuộc sống như vậy thật mệt mỏi, bế tắc và bất hạnh khi sống với một người như vậy, chị đã không còn tình cảm với anh T nữa và chị cũng cảm nhận được anh T cũng không còn tình cảm với chị nữa. Mục đích hôn nhân là cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái trưởng thành nhưng không đạt được nên nguyện vọng của chị là muốn được ly hôn với anh T để giải thoát cho cả hai yên tâm lo cho cuộc sống riêng của mình. Hiện tại chị và con hoàn toàn khỏe mạnh, không ốm đau, không bệnh hiểm nghèo, không có thai nghén gì.

Về con cái:

Trong thời gian chung sống, anh và chị có 01 con chung, tên cháu là Hà Thị Đ , sinh ngày 07 tháng 7 năm 2001. Hiện tại, cháu đã trưởng thành và đi làm ăn nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ nần chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị C có đơn xin miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn anh Hà Văn T trình bày tại bản tự khai ngày 13/3/2021, Biên bản hòa giải ngày 19/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án:** Chị Vi Thị C đã trình bày đúng hoàn toàn sự thật, anh hoàn toàn thống nhất. Anh nói không còn tin nhau nữa và tình cảm cũng không còn thì nên giải thoát cho nhau, có níu giữ cũng không thể hạnh phúc được nên đồng ý ly hôn. Hiện tại anh khỏe mạnh, không ốm đau, không bệnh hiểm nghèo.

Về con chung: Như chị C trình bày, anh chị có 01 con chung, tên cháu là Hà Thị Đ , sinh ngày 07 tháng 7 năm 2001. Hiện tại, cháu đã trưởng thành và đi làm ăn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh trình bày, ngoài 01 con chung kể trên, anh chị không còn con chung khác, anh không có con riêng.

Về tài sản, nợ nần chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:** Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận Đơn khởi kiện của chị Vi Thị C .

Về hôn nhân: Do anh chị không có đăng ký kết hôn, là hôn nhân không hợp pháp nên đề nghị HĐXX Tuyên: Không công nhận chị Vi Thị C và anh Hà Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Con chung đã đến tuổi trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn được miễn án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Vi Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Hà Văn T , sinh ngày 13/3/1976. Trú tại: Bản Lát, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá.

Căn cứ điều 28, điều 35; điều 39 và điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ điều 68 bộ luật tố tụng dân sự thì chị Vi Thị C là nguyên đơn, anh Hà Văn T là bị đơn.

[3]. Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng:

- Về Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa thì người tiến hành tố tụng luôn tiến hành đầy đủ các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm: Thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; cung cấp lời khai, xác minh tình trạng hôn nhân, xác minh địa chỉ đương sự; kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải... Tổng đạt đầy đủ, đúng thời gian các thủ tục tố tụng cho người tham gia tố tụng.

- Về Người tham gia tố tụng: Các đương sự luôn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

[4]. Về hôn nhân: Chị Vi Thị C và anh Hà Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6/2000 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, được 2 bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, quá trình chung sống anh, chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền, hiện tại anh, chị đã sống ly thân. Đối chiếu với quy định của pháp luật thì thấy: Tại điểm b mục I Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực pháp luật cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”.

Như vậy chị C và anh T vi phạm quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay anh, chị mâu thuẫn, chị C có đơn xin ly hôn. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Vi Thị C và anh Hà Văn T là vợ chồng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 11; khoản 1 Điều 14; Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Không công nhận chị Vi Thị C và anh Hà Văn T là vợ chồng.

[5] *Về con chung:* Con chung đã trưởng thành và đi làm, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] *Về án phí sơ thẩm và kháng cáo:* Chị C có đơn xin được miễn án phí.

Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Vi Thị C được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

[8]. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 48; Điều 68; Điều 147; Điều 266; Điều 267; Điều 273; Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 11; Điều 14; Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm b mục I Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Vi Thị C và anh Hà Văn T là vợ chồng.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Vi Thị C được miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh TH;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Mường Lát;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Tam Chung, Mường Lát;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị T